TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **159**/2019/DS-ST
Ngày: 13/9/2019

V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Văn Cường**
  2. Ông **Nguyễn Văn Tám**
- Thư ký phiên toà: Ông **Hứa Quốc Thái** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **13** tháng **9** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2019/TLST-DS ngày 14/8/2019 về việc tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201A/2019/QĐST-DS ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1959.
Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1966.
Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1973.
Cùng địa chỉ: ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Đ, bà H có mặt; ông S có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/8/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ là chủ hụi, ngày 04/8/2017 âm lịch bà H và ông S có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng gồm 10 phần, bà H và ông S tham gia 01 phần hụi (ghi tên trong danh sách hụi là Phạm Thị H), hụi 03 tháng khui một lần, (hụi mãn vào 04/11/2019

âm lịch), đến kỳ thứ 04 bà H và ông S hốt được số tiền 34.300.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H và ông S đóng hụi chết được 01 lần thì ngưng, bà Đ đã choàng hụi 03 lần x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng, còn lại 02 kỳ là mãn hụi cụ thể: Ngày 28/9/2019 dương lịch phải đóng 5.000.000 đồng; ngày 29/11/2019 dương lịch phải đóng 5.000.000 đồng.

Nay bà Đ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông S và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 25.000.000 đồng, trả một lần số nợ hụi đã qua kỳ khui 15.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng trả theo kỳ khui hụi tiếp theo cụ thể ngày 28/9/2019 dương lịch trả 5.000.000 đồng; ngày 29/11/2019 dương lịch trả 5.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 27/8/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 04/8/2017 âm lịch gồm 10 phần, bà tham gia 01 phần do bà Đ làm chủ hụi, bà đã hốt hụi vào kỳ thứ 04, sau khi hốt đã đóng 01 kỳ hụi chết rồi ngưng cho đến nay không đóng cho bà Đ, nên bà Đ đã choàng 03 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng, còn lại 02 kỳ chưa tới kỳ khui với số tiền 10.000.000 đồng.

Việc tham gia chơi hụi chỉ có một mình bà H trực tiếp tham gia, chồng của bà là ông Trần Văn S không có tham gia cùng nhưng ông S biết việc bà H có tham gia chơi hụi ở chỗ bà Đ, số tiền hốt hụi bà H sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài trong gia đình.

Nay bà H đồng ý trả số tiền nợ hụi 25.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng số nợ hụi đã qua kỳ khui 15.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng trả theo kỳ khui hụi tiếp theo.

* Bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ và không có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Trần Văn S có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét, tại phiên toà bà Đ và bà H trình bày thống nhất với nhau về việc bà H có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 04/8/2017 âm lịch gồm 10 phần, bà H tham gia 01 phần do bà Đ làm chủ hụi, bà H đã hốt hụi vào kỳ thứ 04, sau khi hốt đã đóng 01 kỳ hụi chết rồi ngưng cho đến nay không đóng cho bà Đ, nên bà Đ đã choàng 03 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng, còn lại 02 kỳ chưa tới kỳ khui với số

tiền 10.000.000 đồng, nên lời thừa nhận nợ của bà Phạm Thị H đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, bà Đ có yêu cầu ông Trần Văn S có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả số tiền nợ hụi 25.000.000 đồng, ông S không có ý kiến lời kH đối với vụ kiện. Nhưng theo lời trình bày của bà H tại phiên tòa xác định việc bà tham gia chơi hụi ở chỗ bà Đ thì ông S chồng của bà biết, số tiền hốt hụi để sử dụng vào việc trả nợ và để chi tiêu trong gia đình. Mặc dù, ông S không trực tiếp tham gia hụi nhưng bà H sử dụng số tiền hốt hụi để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, ông S là chồng của bà H đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông S phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ hụi với bà H theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Do ông S và bà H chưa đóng 03 phần hụi chết đã qua kỳ khui với số tiền 15.000.000 đồng, bà Đ đã choàng hụi cho ông S và bà H cho các hụi viên khác, thì ông S và bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chủ hụi và đóng các phần hụi chưa tới kỳ khui cho chủ hụi, việc ông S và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu ông S và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 25.000.000 đồng, trả số nợ hụi đã qua kỳ khui 15.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chưa tới kỳ khui trả theo kỳ khui tiếp theo là phù hợp với quy định tại Điều 18, 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[5] Tại phiên toà bà Đ, bà H không thoả thuận được về thời gian trả số tiền nợ hụi 25.000.000 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền nợ hụi trên do H bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên ông S và bà H phải chịu 25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 20 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Trần Văn S và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ hụi 25.000.000 đồng, trả số tiền nợ hụi đã qua kỳ khui 15.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chưa tới kỳ khui trả vào kỳ khui hụi tiếp theo cụ thể: Ngày 28/9/2019 dương lịch trả 5.000.000 đồng; ngày 29/11/2019 dương lịch trả 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn S và và Phạm Thị H phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu H trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Đ số tiền 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002217 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ….phút, ngày **13** tháng **9** năm **2019**
Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khoẻ.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Văn Cường**
2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 289/2019/TLST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp Hưng Lợi, xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1966.

Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 20 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

2. Về nội dung:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Trần Văn S và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ hụi 25.000.000 đồng, trả số tiền nợ hụi đã qua kỳ khui 15.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chưa tới kỳ khui trả vào kỳ khui hụi tiếp theo cụ thể: Ngày 28/9/2019 dương lịch trả 5.000.000 đồng; ngày 29/11/2019 dương lịch trả 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn S và và Phạm Thị H phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu H trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Đ số tiền 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002217 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

3. Về các vấn đề khác:

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày **13** tháng **9** năm **2019**.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Hồ Văn Khoẻ

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe